

UBND TỈNH NGHỆ AN  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2894 /SNN-TL

Nghệ An, ngày 01 tháng 10 năm 2019

V/v đăng tải dự thảo dự thảo Quyết định ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Kính gửi: Cổng thông tin điện tử - Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An.

Thực hiện Kế hoạch số 640/KH-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Trong đó giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 7, Điều 40 và các nội dung được giao tại Khoản 1, Điều 57 của Luật thủy lợi.

Hiện nay Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 20/7/2012 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đã hết hiệu lực. Do Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 20/7/2012 của UBND tỉnh Nghệ An được ban hành căn cứ vào Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001; Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 18/11/2003 của Chính phủ; Nghị định 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ; Các quy định này đã hết hiệu lực sau khi Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2018.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An để thay thế Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 20/7/2012 của UBND tỉnh Nghệ An (Có dự thảo Quyết định kèm theo).

Để có cơ sở hoàn thiện dự thảo Quyết định nói trên, tham mưu UBND tỉnh xem xét, ban hành để các địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Cổng thông tin điện tử - Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An đăng tải dự thảo Quyết định ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An để lấy ý kiến góp ý các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh./

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- UBND Tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Sở (để b/c);
- Lưu: VT Sở; CCTL. *Hoa*



**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác  
trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ CTTL; đề điều;

Căn cứ Nghị định 65/2019/NĐ-CP ngày 18/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An tại Tờ trình số /TTr-SNN.TL ngày tháng năm 2019 về việc ban hành Quyết định quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019 và thay thế Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 20/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn; Giám đốc các Công ty TNHH thùy lợi và Thủ trưởng các ngành, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh Nghệ An;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An;
- Lưu VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

## **QUY ĐỊNH**

### **Quy định về phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND.NN ngày / /2019 của  
UBND tỉnh Nghệ An)*

#### **CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định đối với các công trình thủy lợi (sau đây gọi tắt là CTTL) trên địa bàn tỉnh chưa được quy định trong Luật Thủy lợi gồm: Đập dâng; Trạm bơm; Kênh tưới, tiêu có lưu lượng nhỏ hơn 2 m<sup>3</sup>/s; Kênh chìm; Đường ống dẫn nước và Cầu máng, xi phông.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến CTTL trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

#### **CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

##### **Điều 2. Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An.**

1. Đối với đập dâng (đập dâng nước không tạo hồ chứa nước): Tùy theo cấp đập được xác định theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-05:2012/BNNPTNT (đối với tỉnh Nghệ An không có đập dâng cấp đặc biệt và cấp I) phạm vi vùng phụ cận được xác định như sau:

Tính từ mép ngoài phần xây đúc cuối cùng về phía thượng, hạ lưu và mép ngoài phần xây đúc cuối cùng của vai đập trở ra:

- Đập cấp II: Tối thiểu là 100 m về phía thượng, hạ lưu; 100 m trở ra của vai đập;
- Đập cấp III: Tối thiểu là 50 m về phía thượng, hạ lưu; 50 m trở ra của vai đập;
- Đập cấp IV: Tối thiểu là 20 m về phía thượng, hạ lưu; 20 m trở ra của vai đập.

2. Trạm bơm: Phạm vi vùng phụ cận của trạm bơm được tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của hàng rào bảo vệ (đối với trạm bơm đã có hàng rào bảo vệ) hoặc tính từ ranh giới phạm vi được giao đất khi xây dựng (đối với trạm bơm chưa có hàng rào bảo vệ).



### 3. Kênh nổi có lưu lượng nhỏ hơn $2 \text{ m}^3/\text{s}$ :

- Phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài trở ra từ 1 m đến 2 m đối với kênh đất và từ 0,5 m đến 1 m đối với kênh kiên cố. Riêng đối với kênh nội đồng phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái ngoài trở ra là 0,5 m đối với kênh đất và kênh đã kiên cố.

- Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận được thực hiện theo quy định chung về hành lang bảo vệ công trình giao thông nhưng không được nhỏ hơn vùng phụ cận của công trình theo quy mô kênh tương ứng.

4. Đối với kênh chìm vùng phụ cận chính là phạm vi bảo vệ công trình được xác định:

- Kênh có lưu lượng lớn hơn  $20 \text{ m}^3/\text{s}$  phạm vi bảo vệ từ mép bờ cao của kênh trở ra là 30 m;

- Kênh có lưu lượng từ  $10 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $20 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi bảo vệ từ mép bờ cao của kênh trở ra là 20 m;

- Kênh có lưu lượng từ  $5 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $10 \text{ m}^3/\text{s}$  phạm vi bảo vệ từ mép bờ cao của kênh trở ra là 10 m;

- Kênh có lưu lượng từ nhỏ hơn  $5 \text{ m}^3/\text{s}$  phạm vi bảo vệ từ mép bờ cao của kênh trở ra là 5 m;

- Đối với các vùng phụ cận của kênh chìm là vùng chậm lũ hoặc phân lũ phải giữ nguyên hiện trạng ban đầu hoặc theo quy hoạch tiêu úng, thoát lũ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Đối với các công trình trên kênh:

a) Cổng tiêu và cổng tưới: Vùng phụ cận chính là phạm vi bảo vệ công trình tính từ mép ngoài phần xây đúc cuối cùng trở ra các bên tối thiểu từ 0,5 m đến 1 m.

b) Xi phông, cầu máng, tuy nel: Vùng phụ cận chính là phạm vi bảo vệ công trình được tính từ điểm xây dựng hoặc gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra mỗi bên: 3 m đối với lưu lượng dưới  $50 \text{ m}^3/\text{s}$  hoặc có chiều rộng đáy đến dưới 50 m; 5 m đối với lưu lượng từ  $50 \text{ m}^3/\text{s}$  trở lên hoặc có chiều rộng đáy từ 50 m trở lên; và áp dụng dọc theo chiều dài tuyến công trình.

6. Đường ống dẫn nước: Vùng phụ cận chính là phạm vi bảo vệ công trình được tính từ mép biên ngoài cùng của đường ống ra mỗi bên: 2 m đối với đường ống dẫn lưu lượng dưới  $3 \text{ m}^3/\text{s}$  hoặc có đường kính trong đến dưới 1.500 mm; 3m đối với đường ống dẫn lưu lượng từ  $3 \text{ m}^3/\text{s}$  trở lên hoặc có đường kính trong từ 1.500 mm trở lên; và áp dụng dọc theo chiều dài tuyến ống.

7. Đối với kè, tường chắn bảo vệ công trình thủy lợi: Vùng phụ cận chính là phạm vi bảo vệ công trình tính từ mép ngoài phần xây đúc cuối cùng trở ra về phía đồng tối thiểu 2 m, phía sông tối thiểu là 5 m.

8. Đối với công trình thủy lợi đã thay đổi tiêu chuẩn, quy mô, mục đích sử dụng hoặc đã được gia cố với tiêu chuẩn cao hơn thì vùng phụ cận được phép điều chỉnh cho phù hợp với thực tế nhưng phải đảm bảo an toàn và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Các công trình vi phạm do điều chỉnh vùng phụ cận, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật đền bù, di dời chỗ các tổ chức cá nhân trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi.

### **Điều 3. Quy định về các trường hợp khác cấm mốc chỉ giới**

1. Đối với đập dâng có chiều cao đập từ 10 m trở lên.
2. Đối với trạm bơm có tổng lưu lượng từ  $3.600 \text{ m}^3/\text{h}$  trở lên hoặc có công suất động cơ mỗi tổ máy từ 150 KW trở lên.
3. Đối với hệ thống dẫn, chuyển nước (Xi phong, cầu máng, tuynel, kênh chìm) có lưu lượng từ  $5 \text{ m}^3/\text{s}$  trở lên hoặc chiều rộng đáy kênh từ 5m trở lên.
4. Đối với đường ống dẫn nước có lưu lượng từ  $0,25 \text{ m}^3/\text{s}$  trở lên hoặc có đường kính từ 500 mm trở lên.

### **Điều 4. Quy định khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác**

1. Đối với đập dâng quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 100 m; trường hợp gần khu đô thị, dân cư tập trung cách giữa hai mốc liền nhau là 50 m.
2. Đối với trạm bơm quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quyết định này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 20 m. Tại các điểm góc của đường chỉ giới phải có mốc.
3. Đối với hệ thống dẫn, chuyển nước (Xi phong, cầu máng, tuynel, kênh chìm) quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quyết định này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 100 m đến 200 m; trường hợp công trình đi qua khu vực khu đô thị, dân cư tập trung, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 50 m đến 100 m. Tại các điểm góc của đường chỉ giới phải có mốc.
4. Đối với đường ống dẫn nước quy định tại khoản 4 Điều 3 của Quyết định này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 50 m đến 100 m; trường hợp công trình đi qua khu vực khu đô thị, dân cư tập trung, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 30 m đến 50 m. Tại các điểm góc của đường chỉ giới phải có mốc.

## **CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 5. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
  - a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, các địa phương trong việc tuyên truyền phổ biến các quy định của quyết định này và pháp luật về khai



thác và bảo vệ CTTL; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Hướng dẫn các Công ty TNHH thủy lợi, các địa phương, đơn vị tổ chức triển khai cắm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận CTTL trên địa bàn theo đúng quy định; kiểm tra việc thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT kết quả thực hiện.

c) Tổ chức công tác thanh tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ CTTL; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giám sát, thanh tra kiểm tra theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ CTTL.

d) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động phải có Giấy phép trong phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi do UBND tỉnh cấp theo quy định.

## 2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch quản lý và sử dụng đất theo quy định.

3. Sở Xây dựng phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan để kiểm tra xử lý, giải quyết các hoạt động vi phạm có liên quan đến phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi.

4. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phục vụ công tác cắm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi, công tác hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành.

## **Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân thực hiện tốt các quy định, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

3. Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ vào Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với các công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý.



5. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tham gia và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân địa phương thực hiện các quy định của Pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý; thực hiện các biện pháp phối hợp quản lý, bảo vệ chặt chẽ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, không để xảy ra tái vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

4. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ công trình thủy lợi; thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời và có biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị quản lý; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi xảy ra vi phạm trong việc xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết khôi phục hiện trạng ban đầu, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi theo thiết kế.

2. Lập, trình thẩm định phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị được giao quản lý theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

#### **Điều 9. Xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

Các vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; để điều; Nghị định 65/2019/NĐ-CP ngày 18/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



## **Điều 10. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi không ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy lợi trước ngày Quy định này có hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng nhưng không được mở rộng quy mô hoặc thay đổi kết cấu. Nếu công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy lợi phải thực hiện các giải pháp khắc phục; trường hợp không thể khắc phục phải dỡ bỏ hoặc di dời.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi xây dựng kế hoạch và thực hiện dỡ bỏ hoặc di dời công trình quy định tại Điều 48 Luật thủy lợi.

## **Điều 11. Trách nhiệm thi hành**

1. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.